

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2023/DS-ST

Ngày: 17-9-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Cho.

2. Ông Phan Quốc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2023/QĐST-DS ngày 28/8/2023, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần B; địa chỉ: Tòa nhà L, số B đường T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ chi nhánh :, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp: Anh Trần Văn P, sinh năm 1985; địa chỉ: Số D đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1976 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần 02 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD01290119048A ngày 30/01/2019, ông **S** và bà **L** vay tiền của **Ngân hàng Thương mại cổ phần B** (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng), số tiền vay 220.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng, kết thúc hợp đồng vào ngày 30/01/2024; lãi suất cho vay ban đầu 12,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; hình thức vay tín chấp; thời gian trả nợ gốc định kỳ hằng tháng 01 lần, được chia thành 60 kỳ. Tính đến ngày 21/7/2021, ông **S** và bà **L** vi phạm thời hạn trả nợ 152 ngày. Theo đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu ông **S** và bà **L** trả số tiền vay và lãi tạm tính đến ngày 21/7/2021 là 160.997.761 đồng và đề nghị tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã ký.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu ông **S**, bà **L** trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 17/9/2023 là 222.551.912 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh.

- Bị đơn vắng mặt trong suốt thời gian Tòa án giải quyết nên không có ý kiến.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng mặt lần hai không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 17/9/2023 là 222.551.912 đồng và Ngân hàng có quyền tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông **Nguyễn Văn S** và bà **Phạm Thị L** ký hợp đồng vay tiền tại **Ngân hàng Thương mại cổ phần B**, nhưng không thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ, do đó xác định quan hệ pháp luật vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 30/01/2019 ông S và bà L có vay của Ngân hàng số tiền 220.000.000 đồng; thời hạn vay là 60 tháng; hợp đồng có thỏa thuận lãi suất, lãi suất quá hạn; hình thức vay; thời gian trả nợ gốc. Trong thời gian vay, ông S, bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng. Ngân hàng yêu cầu ông S, bà L phải thanh toán một lần đối với toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 17/9/2023 là 222.551.912 đồng; trong đó: nợ gốc 146.600.000 đồng; lãi 75.951.912 đồng và ông S, bà L phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký.

Ngân hàng khởi kiện có cung cấp tài liệu, chứng cứ là hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ, có chữ ký của ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị L. Ông S, bà L không có ý kiến phản bác nên xem đây là tình tiết, sự kiện có thật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông S, bà L phải có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông S, bà L phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thanh toán nợ là: $222.551.912 \text{ đồng} \times 5\% = 11.127.000 \text{ đồng}$.

Ngân hàng không chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần B đối với ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị L. Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị L cùng liên đới trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 17/9/2023 là 222.551.912 đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi một nghìn chín trăm mười

hai đồng); trong đó: nợ gốc 146.600.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng); tiền lãi 75.951.912 đồng (Bảy mươi lăm triệu chín trăm năm mươi một nghìn chín trăm mười hai đồng).

Ngân hàng có quyền tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng đã ký theo quy định của pháp luật đối với số nợ chưa thanh toán kể từ ngày 18/9/2023 cho đến khi thi hành án xong số nợ.

2- Án phí sơ thẩm: Ông **Nguyễn Văn S** và bà **Phạm Thị L** cùng liên đới chịu án phí là 11.127.000 đồng (Mười một triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.025.000 đồng (Bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001312 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận